TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2021/HS-ST
Ngày: 25/10/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lai Ngọc Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy My** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 188/2021/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 641/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn Ph., sinh năm 1983 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Văn H1., sinh năm 1940 (sống) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952 (sống); Vợ: Trần Thị N1, sinh năm 1984; Con có 02 người, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự: không; Tiền án: 01 lần vào ngày 26 tháng 8 năm 2010 bị Tòa án thành phố Cần Thơ xét xử 02 năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, bị cáo chưa chấp hành án. Bị cáo bị bắt truy nã ngày 20/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. **Công ty TNHH Một thành viên H** (vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Ng.**, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: đường Gi, phường Ph, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Trần Văn U.**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 3, ấp th, xã Th, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông **Giang Tấn L.**, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Nguyễn Văn Đ.**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4. Ông **Trần Văn T.**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã TrB, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5. Ông **Đỗ Văn O.**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trường Ninh A, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

6. Bà **Dương Thị L1.**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: dường N, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

7. Ông **Lê Phi L2.**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 3, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

8. Bà **Nguyễn Thị T2.**, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2012, Công ty TNHH MTV H (viết tắt Công ty H) địa chỉ số 50 đường Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quân Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn D. làm Giám đốc và bà Nguyễn Thị Hồng Ng. (Kế toán trưởng của Công ty) có thuê Huỳnh Văn Ph. làm công nhân bốc xếp cừ tràm và theo xe đi giao hàng cho Công ty. Sau thời gian làm việc lợi dụng sự tin tưởng của bà Ng., Ph. được giao nhiệm vụ đi giao cừ tràm và thu tiền công nợ về giao lại cho Công ty nhưng Ph. không giao tiền mà chiếm đoạt luôn cụ thể Ph. đã thực hiện các vụ như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng cuối năm 2012, Ph. nhận và giao 1.710 cây cừ tràm loại 5 và 2.370 cây cừ loại 4 cho ông Nguyễn Văn Đ. tại vựa tràm Nguyễn Đ., địa chỉ khóm Tây Khánh 7, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang với tổng số tiền ông Đ. trả cho Ph. là 63.165.000 đồng nhưng Ph. không mang về cho Công ty mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân và trả nợ.

Vụ thứ 2: Ngày 28/01/2013, quá trình làm việc tại Công ty H được sự tin tưởng của bà Nguyễn Thị Hồng Ng. với lý do không có phương tiện để đi lại chạy lo tìm kiếm mối bán hàng và thu tiền cho Công ty nên Ph. mượn xe mô tô Yamaha Sirius, biển số 65D1-065.81 của bà Ng. sử dụng rồi Ph. mang xe này đến tiệm cầm đồ Thảo do ông Lê Phi L2. làm chủ, địa chỉ số 04/1, khu vực 3, phường An Bình, quận Ninh Kiều cầm cố tài sản lần đầu. Do Ph. không có giấy chứng minh nhân dân nên ông Phi L2. chỉ cho Ph. cầm được 5.000.000 đồng. Đến ngày 30/01/2013, Ph. mượn giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Văn U. làm chung Công ty H đến tiệm cầm đồ của ông Phi L2. xin đổi tên Huỳnh Văn Ph. trên hợp đồng cầm cố tài sản sang tên ông Trần Văn U. kèm theo chứng minh nhân dân gốc của ông U. để nâng giá tiền trên hợp đồng cao hơn và được ông Phi L2. đồng ý giao thêm tiền cho Ph. 7.000.000 đồng. Tổng số tiền mà Ph. mang xe của bà Ng. đi cầm cố là 12.000.000 đồng, Ph. tiêu xài hết số tiền này.

Kết luận về việc định giá tài sản số: 325/BB.HĐĐG ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xác định xe mô tô, biển số 65D1-065.81 nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, màu trắng đen giá trị là 16.680.000 đồng (bút lục 23).

Vụ thứ 3: Khoảng giữa năm 2012, ông Trần Văn T., địa chỉ ấp Trường Ninh A, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ có thuê ông Trần Như L3, Giám đốc Công ty TNHH - XD - DV -TM MM; địa chỉ số … Nguyễn Thông, ấp 2, xã Bình Tân, thành phố Tân An, tỉnh Long An làm thầu xây dựng nhà tại ấp Trường Ninh A, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình xây dựng, ông L3. có trao đổi với ông T. cần mua cừ tràm để đóng cừ nhưng ông L3. không biết ai là người bán nên đã nhờ ông T. giới thiệu. Sau đó ông T. đã giới thiệu ông Đỗ Văn O., địa chỉ số 151 ấp Trường Ninh A, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ cho ông L3. và ông L3. đã đặt mua của ông O. 5.000 cây cừ loại 5 nhưng yêu cầu ông O. giao trước 2.600 cây. Do không có tràm để bán nên ông O. đã đặt mua khoảng 5.000 cây của bà T2., sau đó bà T2. có đến ấp Trường Ninh A, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ để xem địa điểm giao hàng. Nhưng vì thời điểm đó bà T2. không đủ số lượng cừ tràm để giao và đang bị bệnh nên đã giới thiệu Ph. là con ruột của bà T2. đang làm việc tại Công ty H giao cho ông Đỗ Văn O.. Sau đó lợi dụng sự tin tưởng của Công ty trong việc giao cho Ph. kiếm mối bán hàng nên Ph. đã lấy cừ tràm của Công ty H giao đến nhà Trần Văn T. tại địa chỉ ấp Trường Ninh A, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, số lượng 2.550 cây cừ tràm loại 5 và 100 cây cừ tràm loại 4 với tổng số tiền 58.900.000 đồng. Đến khoảng giữa tháng 3 năm 2013, ông Trần Văn T. đã thanh toán đủ số tiền này

cho Ph., Ph. có viết biên nhận đủ số tiền rồi chiếm đoạt tiêu xài hết số tiền không nộp về Công ty H.

Hiện nay các bị hại không cung cấp được sổ sách chứng từ đối chiếu nên không đủ căn cứ xác định Ph. chiếm đoạt số tiền Công ty HS (Ph.): 18.036.000 đồng, DNTN Nh (chị L1.): 56.988.000 đồng; Tr - Công ty K: 19.446.000 đồng.

Ngoài 03 vụ Lạm dụng tín nhiệm tín nhiệm mà Ph. đã thực hiện, Ph. còn dùng thủ đoạn gian dối nhờ ông Giang Tấn L. đặt hàng của Công ty H và chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau: Khoảng đầu tháng 3 năm 2013, Huỳnh Văn Ph. nhờ ông Giang Tấn L. là người quen của Ph. điện thoại cho bà Nguyễn Thị Hồng Ng. đặt hàng cừ tràm của Công ty H giúp Ph. với lý do Ph. đang là nhân viên, nếu đặt hàng bà Ng. sẽ không tin giao hàng, Ph. hứa sẽ cho ông L. hưởng lợi 500 đồng/cây. Sau đó ông L. điện thoại cho bà Ng. đặt hàng theo yêu cầu của Ph. là 2.695 cây cừ tràm loại 5 với tổng số tiền 55.247.500 đồng, giao về Vàm Rạch Nọc, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Bà Ng. nghĩ rằng ông L. là khách mua cừ tràm nên kêu Ph. đi giao. Đến ngày 12/3/2013, do lâu không thấy ông L. thanh toán tiền, bà Ng. điện thoại đòi tiền, lúc này ông L. mới cho bà Ng. biết là ông L. đặt hàng giùm Ph.. Bà Ng. hỏi Ph. thừa nhận số cừ tràm trên do Ph. nhờ ông L. đặt mua và bán lại cho một người khác và nói dối bà Ng. số cừ tràm trên Ph. đã bán lại cho người tên Nghĩa ở Lộ Tẻ Ba Se (không rõ họ tên, địa chỉ). Sau đó bà Ng. cùng chồng là ông Hùng yêu cầu Ph. và ông L. dẫn đến nhà ông Ngh. để thu tiền bán cừ tràm, nhưng khi đến Lộ Tẻ Ba Se thì không tìm được người đàn ông tên Ngh. nên đã yêu cầu Ph. viết biên nhận nợ số cừ tràm đã giao là 2.695 cây cừ loại 5 với tổng số tiền là 55.247.500 đồng, nhưng thực tế Ph. đã chiếm đoạt số tiền bán cừ tràm và tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Tổng giá trị tài sản Huỳnh Văn Ph. đã chiếm đoạt tài sản trong 03 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 138.745.000 đồng; chiếm đoạt trong 01 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 55.247.500 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị can Ph. chiếm đoạt trong 04 vụ là 193.992.500 đồng.

Quá trình điều tra Huỳnh Văn Ph. đã bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 31 tháng 3 năm 2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Ninh Kiều ra Quyết định truy nã đối với Huỳnh Văn Ph..

Đến ngày 20 tháng 11 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Ninh Kiều bắt được Huỳnh Văn Ph. và thu giữ tài sản của Ph. gồm: 01 điện thoại

di động hiệu Masstel X6; 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Dream II, biển số 51 F9 - 1929.

Tại Cơ quan điều tra Ph. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 193.992.500 đồng (bút lục 156-173; 365-368).

Qua làm việc ông Trần Văn U. khai, ngày 30/01/2013, ông U. có đi cùng Ph. đến tiệm cầm đồ Thảo để thực hiện giao dịch hợp đồng cầm cố xe mô tô, biển số 65D1 - 065.81, việc Ph. chiếm đoạt xe của bà Ng. đi cầm thì ông U. không biết và nghĩ là xe của Ph. nên đồng ý cho Ph. mượn chứng minh nhân dân và đứng tên trên hợp đồng cầm cố ghi tên Trần Văn U. giúp Ph. vì ông không biết chữ và ông cũng không được hưởng lợi ích gì từ Ph., số tiền cầm cố xe một mình Ph. cất giữ và tiêu xài.

Tại Cơ quan điều tra, ông Giang Tấn L. khai có đặt hàng của Công ty H giùm Ph., Ph. hứa cho ông L. hưởng 500 đồng/cây cừ tràm. Tuy nhiên ông L. không biết việc Ph. có hành vi gian dối nhờ ông L. gọi điện thoại cho bà Ng. đặt hàng là 2.695 cây cừ tràm của Công ty H và giao về Vàm Rạch Nọc, phường Phước Thới, quận Ô Môn mục đích chiếm đoạt tài sản. Sau khi gọi điện đặt hàng giúp Ph. thì ông L. cũng không được Ph. cho hưởng lợi ích vật chất như Ph. hứa.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ., Trần Văn T., Đỗ Văn O. là người mua cừ tràm của Huỳnh Văn Ph. và không biết việc Ph. bán cừ tràm, thu tiền không mang về nộp cho Công ty H mà chiếm đoạt số tiền để tiêu xài cá nhân.

Do không đủ căn cứ để chứng minh các cá nhân gồm: ông Trần Văn U., Giang Tấn L., Nguyễn Văn Đ., Trần Văn T., Đỗ Văn O. là đồng phạm về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đề cập xử lý hình sự.

Qua làm việc bà Nguyễn Thị Hồng Ng. khai việc Ph. chiếm đoạt xe của bà mang đi cầm cố và chiếm đoạt tiền của Công ty Mười Mừng - Bà Đầm số tiền 72.775.000 đồng, Công ty HS 18.036.000 đồng, Doanh nghiệp tư nhân Tr 56.988.000 đồng, vựa tràm Nguyễn Đ. 63.165.000 đồng, cá nhân Ngh., L. 55.247.500 đồng, Công ty K 19.446.000 đồng. Do thời gian đã lâu, hồ sơ sổ sách quản lý bị thất lạc nên bà không cung cấp tài liệu liên quan cho cơ quan điều tra được. Qua đối chất và làm việc bà Ng. đồng ý và thống nhất số tiền Ph. chiếm đoạt xe mô tô của bà và tiền của Công ty H tổng cộng 193.992.500 đồng (bút lục 88-93, 287).

Đối với số tiền mà Ph. chiếm đoạt của Công ty H mặc dù là của nhiều cổ đông góp vào do ông Nguyễn Văn D. làm Giám đốc (là người bà Ng. nhờ đứng pháp nhân để đăng ký doanh nghiệp) trên nhưng thực tế chỉ là người làm công cho bà Ng., toàn bộ tiền vốn của Công ty H là của cá nhân bà Ng. nên tổng trị giá tài sản Ph. chiếm đoạt của Công ty H là 193.992.500 đồng nhưng bà Ng. yêu cầu Ph. khắc phục trả lại cho bà Ng. số tiền 177.312.500 đồng (do vụ chiếm đoạt xe mô tô, biển số 65D1-065.81 nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, màu trắng đen, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bà Ng. nhận lại xe nên không có yêu cầu Ph. bồi thường).

Đối với các tài sản thu giữ của Ph. khi bị bắt truy nã gồm: 01 điện thoại di động hiệu Masstel X6; 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Dream II, biển số 51 F9 - 1929. Qua xác minh xe này do anh Đào Trọng L. đứng tên chủ sở hữu nhưng anh L. đã bán xe cho cửa hàng xe gắn máy ở thành phố Hồ Chí Minh năm 2005 nhưng không nhớ tên cửa hàng. Hiện anh còn liên quan đến xe này nữa. Chuyển các tài sản này sang Tòa xem xét, giải quyết.

Riêng xe mô tô, biển số 65D1-065.81 là xe Ph. chiếm đoạt của bà Ng. mang đi cầm cố. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô này cho bà Ng., bà Ng. đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường về dân sự (bút lục 259; 262).

Tại bản cáo trạng số: 75/CT-VKSNK ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn Ph. về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

* Bị hại bà Nguyễn Thị Hồng Ng. yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt của Công ty H cho bà, vì trên thực tế số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là của bà. Cụ thể, vào năm 2012 bà có ký hợp đồng hùn vốn với ông Nguyễn Văn D. là Giám đốc Công ty H để mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty sang lĩnh vực mua bán cừ tràm, mặc dù ông D. làm Giám đốc tuy nhiên toàn bộ số tiền đầu tư vào Công ty là của bà.

* Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Huỳnh Văn Ph..

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140, điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38, điểm s khoản 1 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Ph. từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Về xử lý vật chứng:

+ Ghi nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô Yamaha Sirius biển số 65D1- 065.81 cho bà Ng..

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Masstel X6.

+ Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Dream II, biển số 51 F9 – 1929 đề nghị thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, sau một năm kể từ ngày thông báo công khai nếu không xác định được chủ sở hữu thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo bồi thường cho Công ty TNHH MTV H tổng số tiền đã chiếm đoạt là 177.312.500 đồng.

+ Buộc bị cáo trả lại cho ông Lê Phi L2. 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy qua kết quả xét hỏi công khai và tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ khác đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Từ cuối năm 2012 đến tháng 3/2013, Huỳnh Văn Ph. đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng và giao tài sản của người bị hại thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản có

giá trị là 138.745.000 đồng và 01 vụ dùng thủ đoạn gian dối nhờ người khác đặt mua tràm để bán và chiếm đoạt tài sản có giá trị là 55.247.500 đồng. Tài sản chiếm đoạt bao gồm của bà Nguyễn Thị Hồng Ng. và của Công ty TNHH Một thành viên H. Hành vi trên đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Do đó, Viện kiểm nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn chính xác và có căn cứ.

[3] Xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đầy đủ sức khỏe, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, tuy nhiên chỉ thích hưởng thụ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối và lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản phục vụ cho nhu cầu của bản thân. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm để nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Bản thân bị cáo từng có 01 tiền án về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ tuy nhiên, bị cáo không chấp hành án mà bỏ trốn khỏi địa phương. Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần dành cho bị cáo mức án thật nghiêm là cách ly bị cáo khỏi xã hội để bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Ng. cho rằng giữa bà và ông Nguyễn Văn D. – Giám đốc Công ty H có ký thỏa thuận góp vốn vào năm 2012, tuy nhiên theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty H thể hiện không có thay đổi về số vốn góp. Ngoài ra, trong quá trình điều tra các chứng cứ đều thể hiện số tài sản bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản liên quan đến số lượng cừ tràm xác định là tài sản của Công ty TNHH MTV H. Căn cứ vào Công văn số 5050/ĐKKD ngày 14/6/2021 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ xác định Công ty H đăng ký kinh doanh vào năm 2010, *"đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Một thành viên H chưa đăng ký thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giải thể tại Phòng đăng ký kinh doanh- Sở*

kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ". Vì vậy, bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên H tổng số tiền là 177.312.500 đồng.

- Đối hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản liên quan đến chiếc xe mô tô Yamaha Sirius biển số 65D1- 065.81. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà Ng. cho bị cáo mượn sử dụng để làm phương tiện đi lại tuy nhiên bị cáo đi cầm cố cho anh Lê Phi L2. với giá 12.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi lại chiếc xe và trả lại tài sản cho bà Ng.. Do đó, anh Lê Phi L2. yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã nhận là 12.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của anh Lê Phi L2. là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô Yamaha Sirius biển số 65D1- 065.81 cho bà Ng..

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Masstel X6 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Dream II, biển số 51 F9 – 1929 Hội đồng xét xử giao vật chứng cho cơ quan thi hành án bảo quản và tiến hành đăng báo công khai. Trong thời hạn một năm kể từ ngày thông báo công khai mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp vật chứng - xe mô tô mang biển kiểm soát 51 F9 – 1929 có yêu cầu thì sẽ giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn một năm kể từ ngày đăng thông báo mà chủ sở hữu hợp pháp không liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thì tài sản trên sẽ tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm e khoản 2 Điều 139 và điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Huỳnh Văn Ph.** phạm tội ***"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"***

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn Ph. **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và **04 (bốn) năm** tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù giam tại Bản án số 104/2010/HSPT ngày 26/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/02/2010 đến ngày 19/4/2010). Tổng hình phạt bị cáo Huỳnh Văn Ph. phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày 20/11/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự.

- Bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên H tổng số tiền là 177.312.500 đồng.

- Bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Phi L2. số tiền là 12.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ghi nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe môtô Yamaha Sirius biển số 65D1- 065.81 cho bà Ng..

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Masstel X6.

- Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Dream II, biển số 51 F9 – 1929 Hội đồng xét xử giao vật chứng cho cơ quan thi hành án bảo quản và tiến hành đăng báo công khai. Trong thời hạn một năm kể từ ngày thông báo công khai mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp vật chứng - xe mô tô mang biển kiểm soát 51 F9 – 1929 có yêu cầu thì sẽ giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn một năm kể từ ngày đăng thông báo mà chủ sở hữu hợp pháp không liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thì tài sản trên sẽ tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định.

4. Về án phí:

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo phải chịu 9.465.625 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tgtt;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Ninh Kiều;
- Cơ quan CSĐT Công an Q. Ninh Kiều;
- Cơ quan THAHS Công an Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lai Ngọc Trí